TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1313/2025/DS-ST
Ngày: 29/9/2025.
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thành Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thuần

2. Bà Châu Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 345/2025/TLST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1924/2025/QĐXXST-DSST ngày 19 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2847/2025/QĐ-HPT ngày 09/9/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty T TNHH MTV M (Việt Nam); địa chỉ: Số C đường P, phường S, TP. H.

Người đại diện pháp luật: Ông Lee Yun H- Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần La Ngọc H (Giấy uỷ quyền số 162/2024/GUQ-MAFC ngày 02/4/2024).

Bên nhận ủy quyền: Công ty Luật TNHH MTV T; địa chỉ: Phòng 401 tầng 4, Tòa nhà số 793/49/1 Trần Xuân Soạn, phường Tân Hưng, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Phước Quỳnh G; địa chỉ: Phòng B tầng 4, Toà nhà số M đường T, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn xin vắng mặt). (Giấy ủy quyền ngày 21/7/2025).

Bị đơn: Bà Dư Ngọc Tâm T, sinh năm 1998; địa chỉ: Số N/H/M đường Đ, phường A, Thành phố H (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của Công ty T TNHH MTV M (Việt Nam) (Sau đây viết tắt là Công ty M) và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Phước Quỳnh G trình bày:

Ngày 21/3/2024 Công ty M đã ký hợp đồng tín dụng số cấp tín dụng 5391543 (Sau đây được viết là Hợp đồng tín dụng) về việc cấp tín dụng cho Bà Dư Ngọc Tâm T với khoản vay với số tiền 53.850.000 đồng có nội dung: Khoản vay: 50.000.000 đồng; Phí bảo hiểm: 3.850.000 đồng. Sau khi ký kết, Công ty M đã giải ngân theo đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng cho Bà Dư Ngọc Tâm T. Theo Hợp đồng tín dụng, Bà Dư Ngọc Tâm T có nghĩa vụ thanh toán hàng tháng trong kỳ hạn 36 tháng kể từ ngày 25/4/2024 đến ngày 25/3/2027. Theo hợp đồng tại Điều 3.6 từ quy định từ kỳ 1 đến kỳ 35 (từ 25/4/2024 đến 25/02/2027) số tiền Bà Dư Ngọc Tâm T phải đóng hàng tháng là 3.201.762 đồng và kỳ thứ 36 vào 25/3/2027 số tiền Bà Dư Ngọc Tâm T phải đóng là 4.540.009 đồng. Tuy nhiên do Bà Dư Ngọc Tâm T đã ngưng thanh toán từ kỳ thứ 2 nên đối với các kỳ còn lại Công ty M đã trừ đi 12.000 đồng tiền phí thu hộ trong khoản vay của khách hàng.

Sau khi được giải ngân bà T đã thanh toán được 01 kỳ với số tiền là 3.201.762 đồng (Trong đó gốc: 280.387đồng; lãi: 2.909.375 đồng; phí: 12.000 đồng). Tuy nhiên, từ ngày 25/4/2024 bà T đã không thanh toán theo nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay mà phía Công ty M đã giải ngân. Công ty M đã tiến hành liên hệ qua điện thoại cũng như gửi thông báo đến bà T đề nghị thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Tuy nhiên, bà T vẫn không thực hiện việc trả nợ. Do đó, Công ty M đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên buộc bà T thanh toán cho Công ty M tổng cộng số tiền tạm tính đến ngày 29/9/2025 là: 103.134.875 đồng. Trong đó: Số dư nợ gốc là 53.569.613 đồng, tiền lãi trong hạn là 39.027.128 đồng, tiền lãi quá hạn là 7.745.811 đồng, tiền lãi chậm trả là 2.792.323 đồng. Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 30/9/2025 Công ty M yêu cầu bà T phải chịu lãi suất quá hạn theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng trên cho đến khi thanh toán hết nợ.

Bị đơn không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản và giấy triệu tập của Tòa án cho bị đơn là Bà Dư Ngọc Tâm T tại địa chỉ Số N/H/M đường Đ, phường A, Thành phố H, nhưng bị đơn vắng mặt, Tòa án cũng không nhận được các tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp. Tòa án vẫn tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 14/8/2025 và gửi cho bị đơn thông báo kết quả phiên họp. Do bị đơn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và nguyên đơn có yêu cầu Tòa án không tiếp tục tổ chức phiên hòa giải. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực B - TP. H phát biểu ý kiến:

1. Việc tuân theo pháp luật Tố tụng của Thẩm phán: Về thẩm quyền thụ lý; xác định quan hệ tranh chấp, tống đạt văn bản cho đương sự; thủ tục hòa giải; thời hạn

chuẩn bị xét xử; thời gian ban hành quyết định xét xử, gửi hồ sơ đến Viện kiểm sát đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ việc.

3. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung:

Căn cứ hợp đồng tín dụng số 5391543 ngày 21/3/2024, Công ty M đã cấp tín dụng cho Bà Dư Ngọc Tâm T khoản vay 53.850.000 đồng, trong đó: Khoản vay: 50.000.000 đồng; phí bảo hiểm: 3.850.000 đồng. Công ty M đã giải ngân cho bà T đầy đủ khoản vay.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Bà Dư Ngọc Tâm T đã thanh toán được 01 kỳ với số tiền là 3.201.762 đồng (Nợ gốc: 280.387 đồng; lãi: 2.909.375 đồng; phí: 12.000 đồng) Từ ngày 25/4/2024 bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận của hợp đồng đối với khoản vay. Do đó, Công ty M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên buộc Bà Dư Ngọc Tâm T thanh khoản nợ gốc và tiền lãi, tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/9/2025 là: 103.134.875 đồng. Trong đó: Số dư nợ gốc là 53.569.613 đồng, tiền lãi trong hạn là 39.027.128 đồng, tiền lãi quá hạn là 7.745.811đồng, tiền lãi chậm trả là 2.792.323 đồng. Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật có cơ sở chấp nhận.

- Căn cứ quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2011;

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí.

Đề nghị HĐXX tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng.

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Công ty M có đơn khởi kiện yêu cầu Bà Dư Ngọc Tâm T trả toàn bộ khoản nợ gốc và tiền lãi phát sinh từ hợp đồng Hợp đồng tín dụng số 5391543 ngày 21/3/2024, tính đến ngày 29/9/2025 với tổng số tiền là 103.134.875 đồng và tiền lãi phát sinh. Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, nên căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường M, quận G, TP. H thể hiện Bà Dư Ngọc Tâm T có Số N/H/M đường Đ, phường A, Thành phố Hh và đang cư ngụ tại đây. Như vậy, căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực B - TP. H.

[1.2] Người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đối với hợp đồng tín dụng hạn mức.

Căn cứ lời khai của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn. Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện do nguyên đơn cung cấp gồm: Hợp đồng tín dụng hợp đồng tín dụng số 5391543 ngày 21/3/2024; Bản sao kê chứng minh khoản tiền giao dịch và thanh toán nợ của khách hàng và đối chiếu các văn bản, tài liệu khác của Công ty M Mirae đủ cơ sở xác định giữa Công ty M với Bà Dư Ngọc Tâm T có xác lập hợp đồng hạn mức trên, theo hợp đồng thể hiện đã cấp tín dụng cho bà T một khoản vay với số tiền 53.850.000 đồng có nội dung: Khoản vay: 50.000.000 đồng; Phí bảo hiểm: 3.850.000 đồng, bà T phải thanh toán hàng tháng trong kỳ hạn 36 tháng kể từ ngày 25/4/2024 đến ngày 25/03/2027, số tiền bà T phải trả hàng tháng là 3.201.762 đồng và kỳ thứ 36 vào 25/3/2027 số tiền bà T phải trả là 4.540.009 đồng

Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, Công ty M đã giải ngân theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho Bà Dư Ngọc Tâm T. Theo Hợp đồng tín dụng, bà T có nghĩa vụ thanh toán hàng tháng trong kỳ hạn 36 tháng kể từ ngày 25/04/2024 đến ngày 25/03/2027. Tại Điều 3.6 của hợp đồng quy định từ kỳ 1 đến kỳ 35 (từ 25/4/2024 đến 25/02/2027) số tiền bà T phải đóng hàng tháng là 3.201.762 đồng và kỳ thứ 36 vào 25/3/2027 số tiền bà T phải đóng là 4.540.009 đồng. Tuy nhiên do bà T đã ngưng thanh toán từ kỳ thứ 2 nên đối với các kỳ còn lại Công ty M đã trừ đi 12.000 đồng tiền phí thu hộ trong khoản vay của khách hàng (quy định điểm b khoản 8.1 Điều 8 của Hợp đồng).

Xét nội dung thoả thuận của các bên tại hợp đồng tín dụng nêu trên về khoản nợ vay, lãi suất và trách nhiệm trả nợ phù hợp với quy định tại Điều 280, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; thỏa thuận lãi suất nguyên đơn tính lãi: Số tiền lãi trong hạn bằng Tổng số tiền lãi chưa trả mỗi kỳ; Số tiền lãi quá hạn bằng 150% x Lãi suất x số tiền gốc chưa trả mỗi kỳ x số ngày quá hạn: 365 ngày; số tiền lãi chậm trả: 10% x số tiền lãi chưa trả mỗi kỳ x số ngày quá hạn: 365 ngày. Cách tính lãi của nguyên đơn phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng*

trong hoạt động Ngân hàng của các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật"; Điều 7 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và khoản 4 Điều 13, khoản 5 Điều 14 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp, thể hiện quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty M đã giải ngân cho bà T đầy đủ khoản vay, sau khi vay bà T đã thanh toán được 1 kỳ với số tiền là 3.201.762 đồng (Trong đó gốc: 280.387 đồng; Lãi: 2.909.375 đồng; Phí: 12.000 đồng). Từ ngày 25/4/2024 bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Mặc dù Công ty M đã nhắc nhỡ bà T thực hiện nghĩa vụ thanh toán nhưng bà T vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, nên Công ty M đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên buộc Bà Dư Ngọc Tâm T thanh toán cho Công ty M tổng cộng số tiền tạm tính đến ngày 29/9/2025 là: 103.134.875 đồng. Trong đó: Số dư nợ gốc là 53.569.613 đồng, tiền lãi trong hạn là 39.027.128 đồng, tiền lãi quá hạn là 7.745.811 đồng, tiền lãi chậm trả là 2.792.323 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về thời hạn và phương thức thanh toán.

Xét thấy, bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận mà các bên ký kết đã gây thiệt hại cho nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán ngay toàn bộ khoản nợ gốc và tiền lãi phát sinh của hợp đồng tín dụng nêu trên là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kể từ ngày 10/9/2024 Bà Dư Ngọc Tâm T phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng hạn mức và Hợp đồng thẻ tín dụng nêu trên cho đến khi trả dứt khoản nợ gốc này.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán tổng số nợ là 103.134.875 đồng được Tòa án chấp nhận, nên theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự là 5.156.743 đồng.

Công ty M không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.676.344 đồng theo biên lai thu số 0057543 ngày 05/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh. Nay là Phòng thi hành án dân sự - Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ Điều 280, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 4 Điều 13, khoản 5 Điều 14 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016;

- Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

1. Buộc Bà Dư Ngọc Tâm T thanh toán cho Công ty T TNHH MTV M (Việt Nam) tổng số nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng số 5391543 ngày 21/3/2024 tính đến ngày 29/9/2025 là: 103.134.875 đồng (một trăm lẻ ba triệu một trăm ba mươi bốn nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng). Trong đó: Số dư nợ gốc là 53.569.613 đồng, tiền lãi trong hạn là 39.027.128 đồng, tiền lãi quá hạn là 7.745.811 đồng, tiền lãi chậm trả là 2.792.323 đồng. Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 30/9/2025, Bà Dư Ngọc Tâm T phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi trả dứt khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Tổ chức tín dụng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Tổ chức tín dụng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của bên cho vay.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Dư Ngọc Tâm T phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 5.156.743 đồng (năm triệu một trăm năm mươi sáu nghìn bảy trăm bốn mươi ba đồng).

Công ty T TNHH MTV M(Việt Nam) không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.676.344 đồng (một triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn ba trăm bốn mươi bốn đồng), theo biên lai thu số 0057543 ngày 05/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh. Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực B – TP. H.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi

hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Về quyền kháng cáo: Công ty T TNHH MTV M (Việt Nam) và Bà Dư Ngọc Tâm T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 7–TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS Khu vực 7–TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thành Huế